

UBND TỈNH HẬU GIANG  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNNPTNT-KHNV

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện Chương trình số 07/CTr-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về công tác năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang,

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật và hướng dẫn quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tại công văn số 539/UBND-NC ngày 27 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Để Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đúng trình tự, thủ tục, có tính thống nhất, đồng bộ, mang tính khả thi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Các ý kiến góp ý gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng văn bản và file mềm qua địa chỉ email: [ngoclk.snn@haugiang.gov.vn](mailto:ngoclk.snn@haugiang.gov.vn) trước **ngày 16/6/2022** để kịp thời tổng hợp, phối hợp Sở Tư pháp thẩm định gửi UBND

tình hình HĐND tỉnh Hậu Giang đúng thời gian quy định. Sau thời gian nêu trên, nếu các đơn vị, địa phương không có văn bản góp ý, Sở Nông nghiệp và PTNT xem như thống nhất với Dự thảo.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất mong Quý cơ quan, đơn vị quan tâm, góp ý để Nghị quyết ban hành mang tính khả thi trong thực tiễn./.

*(Kèm theo Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KHNV.

**GIÁM ĐỐC**

**Mẫu số 05. Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

[DỰ THẢO]

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND về Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 đã được triển khai thực hiện hơn 1 năm. Đề án tập trung hỗ trợ 15 hợp tác xã phát triển toàn diện, hiệu quả thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị, đào tạo tập huấn, xây dựng mô hình sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến,...

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện, một số định hướng của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp có sự thay đổi; một số văn bản dẫn chiếu đã có văn bản thay thế và nội dung văn bản đó yêu cầu Hội đồng nhân dân tỉnh phải có quy định cụ thể theo điều kiện ngân sách của tỉnh,...

Do đó cần có những điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Đề án để phù hợp với những định hướng mới.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 và một số nội dung trong Đề án nhằm đảm bảo triển khai được những định hướng mới ban hành của Trung ương và của Tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp; đồng thời quy định cụ thể một số cơ chế, chính sách hỗ trợ trong phát triển lĩnh vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã theo những văn bản, hướng dẫn của Trung ương mới ban hành.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

Những nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết và Đề án cần bám sát các định hướng mới trong lĩnh vực nông nghiệp của Trung ương và của Tỉnh, phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển của các hợp tác xã và nguồn lực đầu tư.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Thực hiện Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 5 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, đăng tải dự thảo lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến, báo cáo đánh giá tác động chính sách, lấy ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổng hợp ý kiến góp ý gửi Sở Tư pháp thẩm định đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Bố cục**

Nghị quyết có 03 Điều:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND và Đề án kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.

- Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND và Đề án kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản**

#### **1. Sửa đổi, bổ sung mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

- **Bổ sung** tại tiết (-) 1 điểm b khoản 3 Điều 1 NQ26 và điểm a khoản 2 mục I phần IV trong Đề án: “+ Xây dựng mô hình HTX ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với đầu tư hệ thống kho tạm trữ, sơ chế.”

- Sửa đổi tiêu tiết (-) thứ 5 tiết (1) điểm a khoản 2 mục I phần IV trong Đề án: “- HTX xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm chủ lực, có logo, tem nhãn, bao bì

hoàn chỉnh; mỗi HTX có ít nhất 01 sản phẩm theo tiêu chuẩn của chương trình OCOP (*mỗi xã một sản phẩm*) đạt chuẩn 4 sao trở lên (*sau đây gọi tắt là sản phẩm OCOP*); xây dựng website và có giao dịch qua môi trường mạng.”

Thành: “- HTX xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm chủ lực, có logo, tem nhãn, bao bì hoàn chỉnh; mỗi HTX có ít nhất 01 sản phẩm theo tiêu chuẩn của chương trình OCOP (*mỗi xã một sản phẩm*) đạt chuẩn 4 sao trở lên (*sau đây gọi tắt là sản phẩm OCOP*); **đưa sản phẩm của HTX lên các sàn thương mại điện tử.**”

## **2. Sửa đổi nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ thành lập và củng cố hợp tác xã**

Sửa đổi tiết 2.3.1 a điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án: “Hỗ trợ thành lập mới 8 HTX, 3 liên hiệp HTX và củng cố 7 HTX.”

Thành: “Hỗ trợ **thành lập mới 5 HTX**, 3 liên hiệp HTX và **củng cố 10 HTX.**”

## **3. Sửa đổi nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ tín dụng**

Sửa đổi tiết 2.3.1 e điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án: “Hỗ trợ tín dụng cho HTX vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh; ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ bù lãi suất 70%/năm (vận dụng theo định mức được quy định tại Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án 1.000).”

Thành: “Hỗ trợ tín dụng cho HTX vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh; **Hỗ trợ 70% lãi suất tiền vay trong hạn khi vay vốn ở các ngân hàng để đầu tư phát triển nông nghiệp, số nợ vay hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/01 HTX. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng nhưng không quá 05 năm.**”

## **4. Sửa đổi, bổ sung nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực cho HTX**

Sửa đổi, bổ sung tiết 2.3.1 b điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án: “- Hỗ trợ mỗi HTX tham gia đề án thuê 02 lao động có trình độ từ Cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX (tham gia quản trị HTX và thực hiện nhiệm vụ kế toán) trong vòng 36 tháng theo chính sách được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 340/2016/TT-BTC.”

Thành: “- Hỗ trợ mỗi HTX tham gia đề án thuê 02 lao động có trình độ từ Cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX (tham gia quản trị HTX và thực hiện nhiệm vụ kế toán) trong vòng 36 tháng theo chính sách được quy định tại điểm a khoản

1 Điều 8 Thông tư số 340/2016/TT-BTC. Từ ngày 14/02/2022, mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

- Đối tượng hỗ trợ: lao động có trình độ cao đẳng trở lên về làm việc tại các hợp tác xã được chọn tham gia Đề án theo Nghị quyết này và các chương trình, đề án, kế hoạch khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

## **5. Sửa đổi, bổ sung nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất**

Sửa đổi tiểu tiết (-) thứ 3 tiết 2.3.1 c điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án: “- Hỗ trợ xây dựng các hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo chính sách được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND.”

Thành: “- Hỗ trợ xây dựng các hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo chính sách được quy định tại **Điều 2 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND.**”

## **6. Sửa đổi, bổ sung nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm**

+ Bổ sung tại tiết 2.3.1 đ điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV:

“Định mức: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đầu tư 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của hợp tác xã, tổng kinh phí hỗ trợ và đầu tư tối đa không quá 12,5 tỷ đồng/HTX.

Cơ chế quản lý sau đầu tư: Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã phải xây dựng phương án quản lý, sử dụng hiệu quả; tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.”

## **7. Sửa đổi nhóm giải pháp hỗ trợ xây dựng mô hình chuỗi sản xuất nông nghiệp tuần hoàn**

- Sửa đổi, bổ sung tại tiết 2.3.2 điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV: “- Hỗ trợ xây dựng mô hình theo chính sách được quy định tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND gồm hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu, tập huấn, hội thảo đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình.”

Thành: “- Định mức hỗ trợ xây dựng mô hình: hỗ trợ tối đa 50% giống, vật tư thiết yếu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, xây dựng và lắp đặt hệ thống nuôi, trồng; 100% chi phí chứng nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt, tiêu chuẩn hữu cơ, chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, nhãn mác, bao bì, tổ chức tập huấn, hội thảo đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình.”

## **8. Bổ sung nhóm giải pháp chính sách đầu tư phát triển dịch vụ cung ứng cơ giới hóa**

- Bổ sung tại tiết 2.3.3 điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV: “Đầu tư hỗ trợ các hợp tác xã lĩnh vực lúa gạo mua sắm các loại máy móc, dụng cụ phục vụ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất lúa và xây dựng hệ thống kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo.

Định mức: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng hệ thống kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo và hỗ trợ đầu tư 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị cơ giới hóa, tổng kinh phí hỗ trợ và đầu tư tối đa không quá 12,5 tỷ đồng/HTX.”

## **9. Sửa đổi, bổ sung nhóm giải pháp về tài chính đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn ODA**

- Sửa đổi, bổ sung tiết b điểm 2.4 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án:

### ***“b) Đối với nguồn ngân sách tỉnh***

+ Sử dụng vốn đầu tư và phát triển từ các nguồn phù hợp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 15 HTX và 03 liên hiệp HTX; đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa; giải phóng mặt bằng 03 Trung tâm sơ chế, phân loại nông sản; bổ sung Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.”

Thành:

### ***“b) Đối với nguồn ngân sách tỉnh***

+ Sử dụng vốn đầu tư và phát triển từ các nguồn phù hợp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 15 HTX và 03 liên hiệp HTX; đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa; giải phóng mặt bằng, **xây dựng hạ tầng bên ngoài hàng rào** 03 Trung tâm sơ chế, phân loại nông sản; bổ sung Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.”

- Sửa đổi bổ tiết c điểm 2.4 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án:

### ***“c) Đối với nguồn vốn ODA***

Lồng ghép nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) thực hiện dự án “*Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2026*” để đầu tư xây dựng hạ tầng bên ngoài hàng rào 03 Trung tâm sơ chế, phân loại nông sản.”

## **10. Sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án và hoạt động cụ thể**

- Bổ sung: “(10) Dự án đầu tư xây dựng mô hình HTX ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với hệ hống kho tạm trữ, sơ chế.”

- Sửa đổi khoản 4 mục III phần IV trong Đề án: “(4) Dự án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX và hỗ trợ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc tại HTX.”

Thành: “(4) Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX và hỗ trợ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc tại HTX.”

### **11. Sửa đổi, bổ sung phân công thực hiện Đề án**

Sửa đổi khoản 3 mục VI phần IV trong Đề án theo hướng phân công cụ thể hơn nhiệm vụ cho các đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện đề án như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố,...

### **12. Sửa đổi các phụ lục của Đề án**

Sửa đổi kinh phí khái toán cho các hạng mục đầu tư, hỗ trợ tại các phụ lục 2, 3 và 4.

### **13. Sửa đổi nhu cầu và nguồn vốn đầu tư**

Căn cứ các nội dung sửa đổi tại mục 12 nêu trên sẽ sửa đổi lại nhu cầu và nguồn vốn đầu tư tại Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND và Mục IV phần IV trong Đề án.

## **V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về dự thảo nghị quyết; (2) Dự thảo nghị quyết; (3) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (5) Bản chụp ý kiến góp ý).*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Cảnh Tuyên**



**Mẫu số 08. Đề cương chi tiết nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi,  
bổ sung một số điều**  
**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...20/.../NQ-HĐND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

[DỰ THẢO]

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND  
ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp  
bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang  
giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**KHÓA X KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ  
Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ  
trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo  
Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính  
phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp  
hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và  
du lịch tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai  
đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 1);*

*Xét tờ trình số...../TTr-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo  
thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 1 Nghị quyết số  
26/2020/NQ-HĐND và Đề án kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND**

1. Sửa đổi, bổ sung mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Bổ sung tiết (-) 1 điểm b khoản 3 Điều 1 NQ26 và điểm a khoản 2 mục I phần IV trong Đề án về mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

“+ Xây dựng mô hình HTX ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với đầu tư hệ thống kho tạm trữ, sơ chế.”

b) Sửa đổi tiêu tiết (-) thứ 5 tiết (1) điểm a khoản 2 mục I phần IV trong Đề án về mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

“- HTX xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm chủ lực, có logo, tem nhãn, bao bì hoàn chỉnh; mỗi HTX có ít nhất 01 sản phẩm theo tiêu chuẩn của chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) đạt chuẩn 4 sao trở lên (sau đây gọi tắt là sản phẩm OCOP); **đưa sản phẩm của HTX lên các sàn thương mại điện tử.**”

2. Sửa đổi các nhóm giải pháp trong Đề án

a) Sửa đổi tiết 2.3.1 a điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án tại nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ thành lập và củng cố hợp tác xã:

“Hỗ trợ **thành lập mới 5 HTX**, 3 liên hiệp HTX và **củng cố 10 HTX.**”

b) Sửa đổi tiết 2.3.1 e điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án tại nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ tín dụng:

“Hỗ trợ tín dụng cho HTX vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh; **Hỗ trợ 70% lãi suất tiền vay trong hạn khi vay vốn ở các ngân hàng để đầu tư phát triển nông nghiệp, số nợ vay hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/01 HTX. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng nhưng không quá 05 năm.**”

c) Sửa đổi, bổ sung tiết 2.3.1 b điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án tại nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực cho HTX:

“- Hỗ trợ mỗi HTX tham gia đề án thuê 02 lao động có trình độ từ Cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX (tham gia quản trị HTX và thực hiện nhiệm vụ kế toán) trong vòng 36 tháng theo chính sách được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 340/2016/TT-BTC. **Từ ngày 14/02/2022, mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.**

- Đối tượng hỗ trợ: lao động có trình độ cao đẳng trở lên về làm việc tại các hợp tác xã được chọn tham gia Đề án theo Nghị quyết này và các chương trình, đề án, kế hoạch khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

d) Sửa đổi tiêu tiết (-) thứ 3 tiết 2.3.1 c điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án tại nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất:

“- Hỗ trợ xây dựng các hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo chính sách được quy định tại **Điều 2 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND.**”

đ) Bổ sung tiết 2.3.1 đ điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV tại nhóm giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm:

“Định mức: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đầu tư 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của hợp tác xã, tổng kinh phí hỗ trợ và đầu tư tối đa không quá 12,5 tỷ đồng/HTX.

Cơ chế quản lý sau đầu tư: Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã phải xây dựng phương án quản lý, sử dụng hiệu quả; tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.”

g) Sửa đổi, bổ sung tiết 2.3.2 điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV tại nhóm giải pháp hỗ trợ xây dựng mô hình chuỗi sản xuất nông nghiệp tuần hoàn:

“- Định mức hỗ trợ xây dựng mô hình: hỗ trợ tối đa 50% giống, vật tư thiết yếu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, xây dựng và lắp đặt hệ thống nuôi, trồng; 100% chi phí chứng nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt, tiêu chuẩn hữu cơ, chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, nhãn mác, bao bì, tổ chức tập huấn, hội thảo đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình.”

h) Bổ sung tiết 2.3.3 điểm 2.3 khoản 2 mục II phần IV tại nhóm giải pháp chính sách đầu tư phát triển dịch vụ cung ứng cơ giới hóa

“Đầu tư hỗ trợ các hợp tác xã lĩnh vực lúa gạo mua sắm các loại máy móc, dụng cụ phục vụ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất lúa và xây dựng hệ thống kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo.

Định mức: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng hệ thống kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo và hỗ trợ đầu tư 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị cơ giới hóa, tổng kinh phí hỗ trợ và đầu tư tối đa không quá 12,5 tỷ đồng/HTX.”

i) Sửa đổi, bổ sung tiết b điểm 2.4 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án tại nhóm giải pháp về tài chính đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn ODA:

***b) Đối với nguồn ngân sách tỉnh***

+ Sử dụng vốn đầu tư và phát triển từ các nguồn phù hợp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho 15 HTX và 03 liên hiệp HTX; đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa; giải phóng mặt bằng, **xây dựng hạ tầng bên ngoài hàng rào** 03 Trung tâm sơ chế, phân loại nông sản; bổ sung Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.”

k) Sửa đổi khoản 4 mục III phần IV trong Đề án tại danh mục các dự án và hoạt động cụ thể:

“(4) Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX và hỗ trợ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc tại HTX.”

l) Bổ sung mục III phần IV trong Đề án tại danh mục các dự án và hoạt động cụ thể: “(10) Dự án đầu tư xây dựng mô hình HTX ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với hệ hống kho tạm trữ, sơ chế.”

m) Sửa đổi điểm 3.1, 3.7, 3.12 và 3.15 khoản 3 mục VI phần IV trong Đề án tại phần phân công thực hiện:

### *“3.1 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện đề án giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì theo kế hoạch của UBND tỉnh. Tổng hợp đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm; tổng hợp đề xuất nhu cầu vốn thực hiện hàng; tham gia thẩm định danh mục, dự án đầu tư cho các hợp tác xã. Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện đề án; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện đề án báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách thuộc thẩm quyền UBND, HĐND tỉnh, bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của đề án.”

### *“3.7 Sở Thông tin và Truyền thông*

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương thực hiện tuyên truyền về nội dung đề án và các hoạt động của đề án trong quá trình triển khai thực hiện. hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong nông nghiệp.”

### *“3.12 Liên minh Hợp tác xã tỉnh*

- Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với HTX giai đoạn 2021 - 2025; chủ động giải ngân nguồn vốn tín dụng cho các HTX từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện các nội dung hỗ trợ liên kết, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường;

tư vấn, hỗ trợ cho HTX trong hoạt động và phát triển; đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, thành viên HTX.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan khảo sát, lựa chọn và xây dựng toàn diện 15 HTX, 03 Liên hiệp HTX; vận động HTX tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường các hoạt động triển khai, hướng dẫn HTX tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực và kinh phí để đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ HTX, như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản trị HTX, chuyển giao công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến cho các HTX; xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.”

### *“3.15 UBND các huyện, thị xã, thành phố*

- Triển khai tuyên truyền và tổ chức thực hiện đề án trên địa bàn quản lý.

- Lựa chọn, đề xuất hợp tác xã đáp ứng tiêu chí đầu vào đăng ký tham gia đề án; chủ trì thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng cho các hợp tác xã trên địa bàn tham gia đề án; xây dựng kế hoạch và thực hiện các nội dung hỗ trợ sản xuất cho hợp tác xã và các thành viên hợp tác xã, đảm bảo đạt hiệu quả và các tiêu chí đầu ra đến năm 2025.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt các nội dung đề án. thành các dự án để triển khai theo lộ trình.”

### **n) Sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND và Mục IV phần IV trong Đề án về nhu cầu và nguồn vốn đầu tư:**

“Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025 là            triệu đồng.  
Trong đó:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ:            triệu đồng, gồm:

- Vốn lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển kinh tế tập thể, HTX:            triệu đồng;

- Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định số 62/2019/NĐ-CP:            triệu đồng;

- Nguồn kinh phí cấp bù giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:            triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương:            triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư và phát triển: 296.126 triệu đồng;

- Vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã: 20.000 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp:            triệu đồng.

c) Vốn tư nhân, HTX, DN: triệu đồng.”

**o) Sửa đổi các phụ lục của Đề án**

Sửa đổi kinh phí khái toán cho các hạng mục đầu tư, hỗ trợ tại các phụ lục 2, 3 và 4 (đính kèm phụ lục).

**Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND và Đề án kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND**

1. Thay thế một số từ, cụm từ vào các điều, khoản, điểm của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND và Đề án kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND:

- Tiêu tiết (-) thứ 5 tiết (1) điểm a khoản 2 mục I phần IV trong Đề án: thay thế cụm từ “xây dựng website và có giao dịch qua môi trường mạng” bằng cụm từ “**đưa sản phẩm của HTX lên các sàn thương mại điện tử**”.

2. Bãi bỏ một số điều, từ, cụm từ:

a) Bãi bỏ tiết c điểm 2.4 khoản 2 mục II phần IV trong Đề án tại nhóm giải pháp về tài chính đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn ODA:

**“c) Đối với nguồn vốn ODA**

Lồng ghép nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) thực hiện dự án “*Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2026*” để đầu tư xây dựng hạ tầng bên ngoài hàng rào 03 Trung tâm sơ chế, phân loại nông sản.”

b) Bãi bỏ cụm từ “Dự án” trong điểm (4) khoản 4 mục III phần IV trong Đề án tại danh mục các dự án và hoạt động cụ thể:

“(4) Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX và hỗ trợ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc tại HTX.”

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng 7 năm 2022

Quy định chuyển tiếp (nếu có) .....(6).....

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP, HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;

**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Huyền**

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

(6) Thuyết minh về lý do quy định và mục đích của từng quy định chuyên tiếp.